|  |  |
| --- | --- |
| 001 | Vị trí xuất huyết não thường gặp nhất ở trẻ sơ sinh là: |
|  | Chảy máu ngoài màng cứng. |
|  | Tụ máu dưới màng cứng |
| \* | Chảy máu dưới màng nhện. |
|  | Chảy máu trong não thất |
| End |  |
| 002 | Tìm ý **không phù hợp** với đặc điểm chảy máu ngoài màng cứng ở trẻ sơ sinh: |
|  | Là chảy máu giữa xương và màng cứng. |
|  | Nguyên nhân thường do chấn thương sọ. |
| \* | Do tổn thương động mạch thông sau |
|  | Do tổn thương động mạch màng não giữa. |
| End |  |
| 003 | Tìm ý **không phù hợp** với chảy máu dưới màng nhện ở trẻ sơ sinh: |
|  | Là chảy máu trong khoang dưới nhện. |
|  | Là chảy máu ở giữa 2 lá của màng nhện. |
| \* | Là loại xuất huyết ít gặp ở trẻ sơ sinh. |
|  | Thường kèm theo chảy máu trong chất não. |
| End |  |
| 004 | Tìm ý **không phù hợp** với nguyên nhân chấn thương sản khoa gây xuất huyết não màng não ở trẻ sơ sinh: |
|  | Đầu trẻ to so với khung chậu. |
|  | Đẻ khó |
| \* | Mổ đẻ. |
|  | Chuyển dạ kéo dài. |
| End |  |
| 005 | Tìm ý **không phù hợp** với nguyên nhân chấn thương sản khoa gây xuất huyết não màng não ở trẻ sơ sinh: |
|  | Đẻ quá nhanh. |
|  | Đẻ Forcef |
|  | Vỡ ối sớm. |
| \* | Rau tiền đạo. |
| End |  |
| 006 | Tìm ý **không phù hợp** với nguyên nhân chủ yếu gây xuất huyết não màng não ở trẻ sơ sinh là: |
|  | Cấu tạo thành mạch mỏng manh. |
| \* | Đám Rối huyết quản được tưới máu ít. |
|  | Đám rối huyết quản là tổ chức non yếu của não. |
|  | Khi bị ngạt thì sức bền thẩm thấu thành mạch giảm. |
| End |  |
| 007 | Tìm ý **không phù hợp** với nguyên nhân xuất huyết não màng não ở trẻ sơ sinh: |
|  | Thiếu O2. |
|  | Thiếu máu |
|  | Shock |
| \* | Sốt cao. |
| End |  |
| 008 | Tìm ý **không phù hợp** với nguyên nhân xuất huyết não màng não ở trẻ sơ sinh: |
|  | Tràn khí lồng ngực. |
|  | Tăng thể tích dịch. |
|  | Sử dụng quá liều Natribicacbonate. |
| \* | Áp lực CO2 máu tăng |
| End |  |
| 009 | Bệnh gan mật nào không gây xuất huyết não - màng não ở trẻ 1-6 tháng tuổi: |
|  | Viêm gan do virus. |
|  | Dị dạng đường mật bẩm sinh. |
|  | Kén ống mật chủ. |
| \* | Áp xe gan. |
| End |  |
| 010 | Nguyên nhân thường gặp nhất gây xuất huyết não màng não ở trẻ 1-6 tháng tuổi là: |
|  | Tắc mật bẩm sinh. |
|  | Ỉa chảy kéo dài. |
| \* | Không rõ nguyên nhân nhưng thấy tỉ lệ protrombin giảm. |
|  | Hội chứng kém hấp thu. |
| End |  |
| 011 | Yếu tố nào sau đây không phải là nguy cơ gây thiếu vitamin K cho trẻ 1-6 tháng tuổi: |
|  | Bú sữa mẹ đơn thuần. |
|  | Mẹ ăn kiêng. |
|  | Trẻ không được tiêm phòng vitamin K sau đẻ |
| \* | Mẹ sử dụng thuốc kháng sinh. |
| End |  |
| 012 | Tìm ý **không phù hợp** với chuyển hóa vitamin K trong cơ thể: |
|  | Ở điều kiện sinh lý vitamin K ở máu mẹ truyền sang thai nhi rất ít. |
| \* | Gan trẻ sơ sinh chứa nhiều vitakin K. |
|  | Phân su chứa một lượng nhỏ vitamin K. |
|  | Vitamin K do vi khuẩn tổng hợp lên ở trẻ sơ sinh rất ít. |
| End |  |
| 013 | 13. Vị trí xuất huyết não thường gặp nhất ở trẻ 1-6 tháng tuổi là: |
|  | Dưới màng cứng. |
| \* | Dưới màng nhện. |
|  | Dưới màng nuôi. |
|  | Trong chất não. |
| End |  |
| 014 | 14. Tìm ý không phù hợp với nguyên nhân xuất huyết não màng não ở trẻ lớn. |
| \* | 20% là do dị dạng mạch máu não. |
|  | 1/3 số trường hợp dị dạng mạch máu não là do vỡ phồng động mạch não |
|  | 1/3 số trường hợp dị dạng mạch máu não là do vỡ phồng tĩnh mạch não |
|  | 1/3 số trường hợp dị dạng mạch máu não là không rõ nguyên nhân. |
| End |  |
| 015 | **Tìm ý sai** trong nguyên nhân gây xuất huyết não màng não ở trẻ lớn. |
|  | Luput viêm quanh mạch nút. |
|  | U mạch. |
| \* | Suy hô hấp. |
|  | U thần kinh đệm di căn |
| End |  |
| 016 | Tìm ý **không phù hợp** với đặc điểm xuất huyết não màng não ồ ạt dưới màng cứng: |
|  | Do rách lều tiểu não. |
|  | Do rách vách ngăn giữa 2 bán cầu. |
|  | Hay gặp ở trẻ đe đủ tháng hơn trẻ đẻ non. |
| \* | Do dị dạng mạch máu não. |
| End |  |
| 017 | Xuất huyết não thất và đám rối mạch mạc thường xuất hiện trong: |
|  | Ngay sau khi sinh. |
| \* | Trong 3 ngày đầu sau khi sinh. |
|  | Ngày thứ 4-5 sau khi sinh. |
|  | Ngày thứ 6-7 sau khi sinh. |
| End |  |
| 018 | Triệu chứng có giá trị nhất để hướng tới chẩn đoán xuất huyết não màng não ở trẻ sơ sinh: |
|  | Da xanh hoặc tím tái. |
|  | Bú kém. |
|  | Co giật. |
| \* | Thóp phồng. |
| End |  |
| 019 | Tìm triệu chứng **không phù hợp** với đặc điểm của xuất huyết não màng não ở trẻ sơ sinh: |
|  | Co giật. |
| \* | Tăng trương lực cơ |
|  | Toàn trạng yếu. |
|  | Khóc the thé. |
| End |  |
| 020 | Tìm triệu chứng **không phù hợp** với đặc điểm của xuất huyết dưới màng cứng ở trẻ sơ sinh: |
|  | Hay gặp ở trẻ đẻ đủ tháng. |
|  | Hay gặp ở trẻ có cân nặng khi sinh cao. |
| \* | Diễn biến thường cấp tính. |
|  | Thường có biểu hiện co giật . |
| End |  |
| 021 | Biểu hiện nào sau đây là triệu chứng hướng tới xuất huyết dưới nhện ở trẻ lớn: |
|  | Đau đầu. |
|  | Nôn. |
|  | Co giật. |
| \* | Xuất huyết quanh võng mạc. |
| End |  |
| 022 | Biểu hiện nào sau đây hướng tới vỡ túi phồng khúc tận của cảnh trong: |
|  | Nôn. |
|  | Li bì |
| \* | Liệt dây thần kinh số III. |
|  | Liệt nửa người. |
| End |  |
| 023 | Biểu hiện nào sau đây hướng tới vỡ phình động mạch não giữa gây xuất huyết bán cầu não vùng đồi thị: |
|  | Co giật. |
|  | Hôn mê. |
|  | Liệt dây VII ngoại biên. |
| \* | Liệt nửa người, babinski (+) |
| End |  |
| 024 | Triệu chứng nào sau đây hướng đến xuất huyết tiểu não: |
|  | Co giật. |
|  | Li bì. |
| \* | Rối loạn thăng bằng. |
|  | Liệt nửa người. |
| End |  |
| 025 | Tìm ý **không phù hợp** với biểu hiện lâm sàng của xuất huyết não màng não ở trẻ lớn. |
| \* | Khởi đầu từ từ. |
|  | Đau đầu dữ dội |
|  | Nôn. |
|  | Co giật. |
| End |  |
| 026 | Di chứng hay gặp nhất trong xuất huyết não màng não ở trẻ 1-6 tháng tuổi là: |
|  | Não bé do teo não và gây chồng khớp sọ. |
|  | Não úng thủy do tắc cống sylvius. |
|  | Giảm vận động 1/2 người. |
| \* | Động kinh. |
| End |  |
| 027 | Tìm ý **không phù hợp** với mức độ xuất huyết nội sọ qua thăm dò bằng siêu âm ở trẻ sơ sinh: |
|  | Mức độ 1: Xuất huyết mạch mạc quanh não thất. |
| \* | Mức độ 2: Xuất huyết trong chất não. |
|  | Mức độ 3: Xuất huyết trong não thất và gây giãn não thất. |
|  | Mức độ 4: Như độ III, cộng thêm xuất huyết trong chất não. |
| End |  |
| 028 | Triệu chứng cận lâm sàng có giá trị quyết định chẩn đoán xuất huyết não màng não ở trẻ sơ sinh là: |
|  | Số lượng hồng cầu trong máu giảm. |
|  | Huyêt sắc tố trong máu giảm. |
|  | Tỉ lệ Protrombin trong máu giảm. |
| \* | Chọc dò nước não tuỷ có máu để không đông. |
| End |  |
| 029 | **Tìm ý sai** trong các xét nghiệm của xuất huyết não màng não ở trẻ 1-6 tháng: |
|  | Thời gian máu đông kéo dài. |
|  | Tỉ lệ protrombin giảm. |
| \* | Thời gian thromboplastin giảm |
|  | Các yếu tố đông máu: II, VII, IX, X giảm. |
| End |  |
| 030 | Tập chứng nào dưới đây nên nghĩ tới xuất huyết não màng não ở trẻ sơ sinh. |
|  | Sốt, nôn, co giật, thóp phồng. |
| \* | Li bì, co giật, thiếu máu, thóp phồng. |
|  | Vàng da đậm, vàng sáng, co giật, li bì. |
|  | Nôn, bỏ bú, co giật khi kích thích. |
| End |  |
| 031 | Chẩn đóan xác định xuất huyết não màng não ở trẻ em dựa vào xét nghiệm: |
|  | Số lượng hồng cầu giảm. |
|  | Huyết sắc tố giảm. |
|  | Thời gian máu đông kéo dài. |
| \* | Chọc dò tủy sống, nước não tủy có máu để không đông. |
| End |  |
| 032 | Biện pháp quan trọng nhất trong điều trị xuất huyết não màng não do giảm tỉ lệ Protrombin ở trẻ sơ sinh là: |
|  | Tiêm Vitamin K |
|  | Chống co giật |
|  | Chống phù não |
| \* | Truyền máu tươi cùng nhóm. |
| End |  |
| 033 | Tìm ý **không phù hợp** với biện pháp chống phù não trong điều trị xuất huyết não màng não ở trẻ sơ sinh: |
|  | Dexamethasone. |
| \* | Làm nghiệm pháp tăng thở . |
|  | Truyền dịch bù muối. |
|  | Cho Manitol 20%. |
| End |  |
| 034 | Biện pháp nào sau đây không bắt buộc trong điều trị xuất huyết não màng não ở trẻ lớn do vỡ phình mạch. |
|  | Nghỉ ngơi tuyệt đối tại giường. |
|  | Chống phù não bằng Maniton |
|  | Chống phù não bằng Dexamethasone. |
| \* | Truyền máu tươi cùng nhóm. |
| End |  |
| 035 | Biện pháp quan trọng nhất để phòng xuất huyết não màng não ở trẻ sơ sinh là: |
| \* | Phòng chấn thương sản khoa. |
|  | Cho mẹ nghỉ trước khi đẻ. |
|  | Trong thời gian có thai mẹ không nên lao động nặng. |
|  | Cho mẹ thở oxy khi chuyển dạ. |
| End |  |
| 036 | Để phòng xuất huyết não màng não ở trẻ sơ sinh, nên tránh dùng: |
|  | Thuốc kháng sinh liều cao. |
| \* | Natribicacbonat liều cao. |
|  | Vitamin K liều cao. |
|  | Cocticoit liều cao. |
| End |  |
| 037 | Biện pháp quan trọng nhất để phòng xuất huyết não màng não do giảm tỉ lệ Protrombin là: |
|  | Cho bú mẹ sớm. |
| \* | Tiêm cho trẻ một mũi Vitamn K sau khi sinh. |
|  | Cắt rốn khi mạch máu rốn ngừng đập. |
|  | Đảm bảo cho trẻ đủ ấm. |
| End |  |
| 038 | Cháu trai 45 ngày tuổi, kể từ sau khi đẻ cháu khỏe mạnh, không được tiêm Vitamin K lúc đẻ. Bệnh xuất hiện cấp tính với những triệu chứng: sốt 38,50C, nôn vọt, li bì, co giật toàn thân.  Khám: Thóp phồng căng, cổ mềm, liệt dây VII trung ương bên phải, da xanh, niêm mạc nhợt, có vài mảng xuất huyết dưới da đùi.  Hướng dẫn chẩn đoán bệnh gì ? |
|  | Viêm màng não mủ. |
|  | Nhiễm khuẩn huyết. |
| \* | Xuất huyết não màng não. |
|  | Viêm màng não do virus. |
| End |  |